| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 02 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Lê Anh Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Công Hạ

Bà Ngô Thị Thu Hà

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 876/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị BN; địa chỉ: Tổ x, Khu x, phường HV, thành phố LH, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn Y; địa chỉ: Thôn a, xã MC, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trần Thị BN và anh Lê Văn Y kết hôn với nhau vào năm 2009, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn b, xã MC, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng

thường xảy ra bất đồng quan điểm sống, cách sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi vã nhau. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị Trần Thị BN nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn Lê Văn Y. Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần BG, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2010. Hiện nay anh Lê Văn Y đang nuôi con, khi ly hôn chị Trần Thị BN chấp nhận để anh Lê Văn Y nuôi con vì con đang ở với bố ổn định. Về cấp dưỡng cho con, chị Trần Thị BN đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Anh Lê Văn Y đã được Tòa án tống đạt các văn bản và các quyết định tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Trần Thị BN được ly hôn. Giao cho anh Lê Văn Y trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng cho con và tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Trần Thị BN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Trích lục kết hôn bản sao số 269/TLKH-BS ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã MC, huyện NT, thành phố Hải Phòng xác định chị Trần Thị BN và anh Lê Văn Y kết hôn với nhau vào ngày 07 tháng 08 năm 2009; Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2013 đến nay, anh Lê Văn Y hiện vẫn cư trú tại địa phương.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị BN và anh Lê Văn Y được xác lập vào năm 2009 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp

và vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Lê Văn Y đến Tòa án để hòa giải nhưng anh Lê Văn Y đều vắng mặt, điều này thể hiện anh Lê Văn Y không muốn hòa giải. Chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị Trần Thị BN là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Trần BG, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2010. Hiện nay anh Lê Văn Y đang nuôi con, việc nuôi con của anh Lê Văn Y đang ổn định, con chung mong muốn được ở với cha nên giao con cho anh Lê Văn Y nuôi là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, chị Trần Thị BN không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị BN phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chị Trần Thị BN được ly hôn anh Lê Văn Y.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Trần BG, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2010 cho anh Lê Văn Y trực tiếp nuôi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị BN phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000170 ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chị Trần Thị BN đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã MC, huyện NT;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Anh Sơn**